

## Đề thi Học kì 1 Toán lớp 5

(Bộ sách: Cánh diều)

### I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn và chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

**Câu 1.** Trên bản đồ, tỉ lệ bản đồ 1 : 84 000 cho ta biết điều gì?

A. Bản đồ được thu nhỏ 84 000 lần.

B. Bản đồ được phóng to 84 000 lần.

C. Bản đồ dùng được 84 000 lần.

D. Bản đồ có tỉ lệ  $\frac{1}{8400}$

**Câu 2.** Quy tắc nhân một số thập phân với 10, 100, 1000, .... là:

A. Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1000, ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang phải hai, ba, bốn, ... chữ số.

B. Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1000, ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang trái hai, ba, bốn, ... chữ số.

C. Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1000, ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang phải một, hai, ba,... chữ số.

D. Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1000, ... ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang trái một, hai, ba,... chữ số.

**Câu 3.** Điền các số tự nhiên thích hợp vào chỗ chấm:  $27,87 + 32,56 < \dots < 14,63 + 50,37$

A. 60; 61; 62; 63; 64

B. 60; 61; 62; 63; 64; 65

C. 61; 62; 63; 64; 65

D. 61; 62; 63; 64

**Câu 4.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

12m 34cm 4mm = ... m

A. 12,344    B. 12,38    C. 12,74    D. 15,44

**Câu 5.** Tỉ số phần trăm nào biểu diễn phân số  $\frac{8}{25}$  ?

A. 25%    B. 8%    C. 30%    D. 32%

**Câu 6.** Khoảng cách từ điểm A đến điểm B trên bản đồ và thực tế lần lượt là 5 cm và 3 km. Hỏi tỉ lệ bản đồ lúc này là bao nhiêu?

A. 1 : 60 000    B. 5 : 30    C. 5 : 3000    D. 1 : 6000

**Câu 7.** Số 12,058 nhân với số nào để được 1205,8?

A. 1    B. 10    C. 100    D. 1000

**Câu 8.** Viết tỉ số phần trăm “Hai mươi tám phần trăm”:

A. 28%    B. 82%    C. 0,28%    D. 2,8%

## II – TỰ LUẬN

**Bài 1.** Đặt tính rồi tính

a) 60,47 29,9 ;    b) 40,1 15,74 ;

c) 35,9 15 ;    d) 458,08 : 56 .

**Bài 2.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm

a) 4 m 7 dm = ..... m;    b) 230 dm<sup>2</sup> = .....m<sup>2</sup>;

c) 2 tấn 315 kg = ..... tấn;    d) 3 km<sup>2</sup> 219 m<sup>2</sup> = .....ha.

**Bài 3.** Tính bằng cách thuận tiện nhất

a)  $5,26 + 8,85 + 1,15 + 4,74$  .

b)  $0,25 + 8 + 4 + 0,5 + 0,125 + 2$  .

**Bài 4.** Một tấm vải sau khi giặt xong bị co mất 2% so với chiều dài ban đầu. Trước khi giặt, tấm vải dài 24,5 m. Hỏi sau khi giặt tấm vải dài bao nhiêu mét?

**Bài 5.** Một mảnh đất dạng hình chữ nhật được chia thành các phần như hình vẽ dưới đây. Biết phần đất có dạng hình chữ nhật màu xanh được dùng để xây nhà máy. Hỏi người ta dùng bao nhiêu héc-ta để xây nhà máy?

